| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CẨM KHÊ**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** |
| Số: 130/2023/QĐST- HNGĐ | *Cẩm Khê, ngày 10 tháng 8 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH
## CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số: 247/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023 giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Trần Thu T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 45, tổ 6, phường T, thành phố P, tỉnh V

*Bị đơn:* Anh Bùi Văn K, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khu Đá Hen, xã Đ, huyện C, tỉnh P

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2023.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Trần Thu T và anh Bùi Văn K.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Về con chung: Chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Tuấn T, sinh ngày 25/4/2019 kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi). Anh K không phải cấp dưỡng nuôi cháu T cùng chị T, do chị T tự nguyện không yêu cầu. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Chị T và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thu T tự nguyện chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0008276 ngày 02/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả cho chị T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- UBND xã Đồng Lương;
- Lưu HSVA.

**THẨM PHÁN**

**Đinh Thị Thu Huyền**